

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

***Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật***

***1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu***

- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480, máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR, máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800, máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2027;
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Ung Bướu.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 18 tháng.
- Tùy chọn mua thêm: 30%.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Ung Bướu; địa chỉ: Số 12 Đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quy mô gói thầu: Tại Phạm vi cung cấp Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống).

***1.2. Yêu cầu về kỹ thuật***

Yêu cầu tính năng kỹ thuật quy định trong mục này chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu, nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa phù hợp tương thích với máy hiện có mà Chủ đầu tư đang sử dụng.

Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, quy cách, thành phần (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, thành phần, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tính năng sử dụng theo yêu cầu của E-HSMT.

Hàng hóa dự thầu bắt buộc không phải là RUO/ LUO.

Nội dung yêu cầu về tính năng, đặc tính kỹ thuật và mức độ đáp ứng tối thiểu được thể hiện tại các bảng dưới đây:

STT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa, yêu cầu về tính năng kỹ thuật
1	PP2600239240	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	test	Công dụng: Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
2	PP2600239241	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase)	test	Công dụng: Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase) Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
3	PP2600239242	Đo hoạt độ ALT (GPT)	test	Công dụng: Đo hoạt độ ALT (GPT) Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
4	PP2600239243	Hóa chất xét nghiệm Ammonia, sử dụng cho máy hệ mở	ml	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm Ammonia, sử dụng cho máy hệ mở. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
5	PP2600239244	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
6	PP2600239245	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
7	PP2600239246	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
8	PP2600239247	Đo hoạt độ AST (GOT)	test	Công dụng: Đo hoạt độ AST (GOT). Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
9	PP2600239248	Định lượng Calci toàn phần	test	Công dụng: Định lượng Calci toàn phần. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
10	PP2600239249	Định lượng Cholesterol toàn phần	test	Công dụng: Định lượng Cholesterol toàn phần. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
11	PP2600239250	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	test	Công dụng: Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase). Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480

12	PP2600239251	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
13	PP2600239252	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
14	PP2600239253	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
15	PP2600239254	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	ml	Công dụng: Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
16	PP2600239255	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
17	PP2600239256	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
18	PP2600239257	Định lượng Creatinin	test	Công dụng: Định lượng Creatinin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
19	PP2600239258	Định lượng CRP	test	Công dụng: Định lượng CRP. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
20	PP2600239259	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
21	PP2600239260	Định lượng Bilirubin trực tiếp	test	Công dụng: Định lượng Bilirubin trực tiếp. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
22	PP2600239261	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
23	PP2600239262	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	test	Công dụng: Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase). Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480

24	PP2600239263	Định lượng Glucose	test	Công dụng: Định lượng Glucose. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
25	PP2600239264	Định lượng HbA1c	test	Công dụng: Định lượng HbA1c. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
26	PP2600239265	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
27	PP2600239266	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	test	Công dụng: Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol). Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
28	PP2600239267	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
29	PP2600239268	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	ml	Công dụng: Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
30	PP2600239269	Định lượng Phospho vô cơ	test	Công dụng: Định lượng Phospho vô cơ. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
31	PP2600239270	Định lượng Sắt	test	Công dụng: Định lượng Sắt. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
32	PP2600239271	Dung dịch đệm ISE	lít	Công dụng: Dung dịch đệm ISE. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
33	PP2600239272	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	ml	Công dụng: Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
34	PP2600239273	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	ml	Công dụng: Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
35	PP2600239274	Chất chuẩn điện giải mức giữa	lít	Công dụng: Chất chuẩn điện giải mức giữa. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
36	PP2600239275	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	lít	Công dụng: Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480

37	PP2600239276	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
38	PP2600239277	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
39	PP2600239278	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	test	Công dụng: Định lượng Lactat (Acid Lactic). Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
40	PP2600239279	Đo hoạt độ LDH	test	Công dụng: Đo hoạt độ LDH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
41	PP2600239280	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	test	Công dụng: Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol). Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
42	PP2600239281	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
43	PP2600239282	Định lượng Mg	test	Công dụng: Định lượng Mg. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
44	PP2600239283	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
45	PP2600239284	Định lượng Bilirubin toàn phần	test	Công dụng: Định lượng Bilirubin toàn phần. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
46	PP2600239285	Định lượng Protein toàn phần	test	Công dụng: Định lượng Protein toàn phần. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
47	PP2600239286	Định lượng Triglycerid	test	Công dụng: Định lượng Triglycerid. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
48	PP2600239287	Định lượng Ure	test	Công dụng: Định lượng Ure. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480

49	PP2600239288	Định lượng Acid Uric	test	Công dụng: Định lượng Acid Uric. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
50	PP2600239289	Định lượng Protein	test	Công dụng: Định lượng Protein. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
51	PP2600239290	Dung dịch rửa kim	lít	Công dụng: Dung dịch rửa kim. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
52	PP2600239291	Đo hoạt độ Amylase	test	Công dụng: Đo hoạt độ Amylase. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
53	PP2600239292	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
54	PP2600239293	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	ml	Công dụng: Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
55	PP2600239294	Định lượng Pre-Albumin	test	Công dụng: Định lượng Pre-Albumin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
56	PP2600239295	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Pre-Albumin	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Pre-Albumin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
57	PP2600239296	Định lượng $\beta$ -2 Microglobulin	test	Công dụng: Định lượng $\beta$ -2 Microglobulin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
58	PP2600239297	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 2	ml	Công dụng: Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 2. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
59	PP2600239298	Ống lấy mẫu 2.5 mL	Cái	Công dụng: Ống lấy mẫu 2.5 mL. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
60	PP2600239299	Định lượng Lipase	test	Công dụng: Định lượng Lipase. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480
61	PP2600239300	Hóa chất dùng cho xét nghiệm D-3-Hydroxybutyrate	test	Công dụng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm D-3-Hydroxybutyrate. Sử dụng tương thích cho máy phân tích sinh hóa tự động AU480

62	PP2600239301	Cóng phản ứng dùng cho xét nghiệm phát quang trên máy xét nghiệm đông máu	cái	Công dụng: Cóng phản ứng dùng cho xét nghiệm phát quang trên máy xét nghiệm đông máu. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
63	PP2600239302	Hóa chất dùng để định lượng D-Dimer trong huyết tương người	test	Công dụng: Hóa chất dùng để định lượng D-Dimer trong huyết tương người. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
64	PP2600239303	Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	ml	Công dụng: Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
65	PP2600239304	Hóa chất rửa đường ống và kim hút dùng trên máy xét nghiệm đông máu	ml	Công dụng: Hóa chất rửa đường ống và kim hút dùng trên máy xét nghiệm đông máu. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
66	PP2600239305	Hóa chất tẩy rửa dùng trên máy xét nghiệm đông máu	ml	Công dụng: Hóa chất tẩy rửa dùng trên máy xét nghiệm đông máu. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
67	PP2600239306	Hóa chất dùng làm xúc tác phản ứng phát quang dùng trên máy xét nghiệm đông máu	ml	Công dụng: Hóa chất dùng làm xúc tác phản ứng phát quang dùng trên máy xét nghiệm đông máu. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
68	PP2600239307	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định kháng thể dsDNA	ml	Công dụng: Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định kháng thể dsDNA. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
69	PP2600239308	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng kháng thể IgG kháng dsDNA trong huyết thanh người	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng kháng thể IgG kháng dsDNA trong huyết thanh người. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
70	PP2600239309	Hóa chất xét nghiệm nhằm đánh giá chất lượng của tự kháng thể kháng nhân (nuclear autoantibodies ANA) trong huyết thanh người bao gồm: dsDNA, Sm/RNP, Ro52, Ro60, SS-B, Scl-70, centromere, Mi-2, Ku, ThTo, RNA Pol III, Pm/Scl, PCNA, Jo-1, ribosomal-P prote	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm nhằm đánh giá chất lượng của tự kháng thể kháng nhân (nuclear autoantibodies ANA) trong huyết thanh người bao gồm: dsDNA, Sm/RNP, Ro52, Ro60, SS-B, Scl-70, centromere, Mi-2, Ku, ThTo, RNA Pol III, Pm/Scl, PCNA, Jo-1, ribosomal-P prote. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR

71	PP2600239310	Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định kháng thể CTD	ml	Công dụng: Hóa chất dùng để kiểm chứng cho xét nghiệm xác định kháng thể CTD. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm đông máu ACL ACUSTAR
72	PP2600239311	Hóa chất xét nghiệm HBs Ag	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm HBs Ag. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
73	PP2600239312	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBs Ag	mL	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBs Ag. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
74	PP2600239313	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ag	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ag. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
75	PP2600239314	Hóa chất xét nghiệm định tính HCV Ab	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định tính HCV Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
76	PP2600239315	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HCV Ab	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm HCV Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
77	PP2600239316	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HCV Ab	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HCV Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
78	PP2600239317	Hóa chất định lượng AFP	test	Công dụng: Hóa chất định lượng AFP. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
79	PP2600239318	Chất chuẩn xét nghiệm AFP	ml	Công dụng: Chất chuẩn xét nghiệm AFP. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
80	PP2600239319	Dung dịch pha loãng mẫu cho AFP	ml	Công dụng: Dung dịch pha loãng mẫu cho AFP. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
81	PP2600239320	Hóa chất định lượng CA 15-3	test	Công dụng: Hóa chất định lượng CA 15-3. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
82	PP2600239321	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 15-3	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 15-3. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800

83	PP2600239322	Hóa chất định lượng CEA	test	Công dụng: Hóa chất định lượng CEA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
84	PP2600239323	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CEA	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm CEA, Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
85	PP2600239324	Hóa chất định lượng Cortisol	test	Công dụng: Hóa chất định lượng Cortisol. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
86	PP2600239325	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Cortisol	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Cortisol. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
87	PP2600239326	Hóa chất định lượng FT3	test	Công dụng: Hóa chất định lượng FT3. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
88	PP2600239327	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free T3	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free T3. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
89	PP2600239328	Hóa chất định lượng Free T4	test	Công dụng: Hóa chất định lượng Free T4. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
90	PP2600239329	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free T4	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free T4. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
91	PP2600239330	Hóa chất định lượng CA 19-9	test	Công dụng: Hóa chất định lượng CA 19-9. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
92	PP2600239331	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 19-9	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 19-9. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
93	PP2600239332	Hóa chất xét nghiệm HBc Ab	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm HBc Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
94	PP2600239333	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBc Ab	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBc Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
95	PP2600239334	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBc Ab	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBc Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800

96	PP2600239335	Hóa chất xét nghiệm HBs Ab	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm HBs Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
97	PP2600239336	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBs Ab	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm HBs Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
98	PP2600239337	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ab	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
99	PP2600239338	Hóa chất xét nghiệm định lượng FSH	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng FSH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
100	PP2600239339	Hóa chất chuẩn xét nghiệm FSH	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm FSH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
101	PP2600239340	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng HIV (Ag/Ab)	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm bán định lượng HIV (Ag/Ab). Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
102	PP2600239341	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HIV Ag/Ab	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm HIV Ag/Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
103	PP2600239342	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HIV Ag/Ab	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm tra xét nghiệm HIV Ag/Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
104	PP2600239343	Hóa chất xét nghiệm định lượng LH	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng LH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
105	PP2600239344	Hóa chất chuẩn xét nghiệm LH	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm LH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
106	PP2600239345	Hóa chất xét nghiệm định lượng hsTnI	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng hsTnI. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
107	PP2600239346	Hóa chất chuẩn xét nghiệm hsTnI	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm hsTnI. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800

108	PP2600239347	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free PSA	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Free PSA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
109	PP2600239348	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free PSA	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free PSA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
110	PP2600239349	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Free PSA	ml	Công dụng: Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Free PSA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
111	PP2600239350	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
112	PP2600239351	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PSA	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm PSA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
113	PP2600239352	Dung dịch pha loãng mẫu PSA	ml	Công dụng: Dung dịch pha loãng mẫu PSA. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
114	PP2600239353	Hóa chất chuẩn xét nghiệm iPTH	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm iPTH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
115	PP2600239354	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
116	PP2600239355	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 125	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 125. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
117	PP2600239356	Hóa chất xét nghiệm Procalcitonin	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm Procalcitonin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
118	PP2600239357	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Procalcitonin	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Procalcitonin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
119	PP2600239358	Hóa chất định lượng Prolactin	test	Công dụng: Hóa chất định lượng Prolactin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
120	PP2600239359	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Prolactin	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Prolactin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800

121	PP2600239360	Hóa chất xét nghiệm định lượng Estradiol	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Estradiol. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
122	PP2600239361	Hóa chất pha loãng mẫu Estradiol	ml	Công dụng: Hóa chất pha loãng mẫu Estradiol. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
123	PP2600239362	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Estradiol	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Estradiol. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
124	PP2600239363	Cơ chất phát quang	ml	Công dụng: Cơ chất phát quang. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
125	PP2600239364	Dung dịch kiểm tra máy	ml	Công dụng: Dung dịch kiểm tra máy. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
126	PP2600239365	Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
127	PP2600239366	Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin Ab	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
128	PP2600239367	Hóa chất chuẩn Thyroglobulin Antibody	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn Thyroglobulin Antibody. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
129	PP2600239368	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Thyroglobulin	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Thyroglobulin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
130	PP2600239369	Dung dịch pha loãng mẫu Thyroglobulin	ml	Công dụng: Dung dịch pha loãng mẫu Thyroglobulin. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
131	PP2600239370	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 toàn phần	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 toàn phần. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
132	PP2600239371	Hóa chất chuẩn xét nghiệm T3 toàn phần	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm T3 toàn phần. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
133	PP2600239372	Hóa chất xét nghiệm định lượng TPO Ab	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng TPO Ab. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800

134	PP2600239373	Hóa chất chuẩn xét nghiệm TPO Antibody	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm TPO Antibody. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
135	PP2600239374	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
136	PP2600239375	Hóa chất chuẩn xét nghiệm TSH	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm TSH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
137	PP2600239376	Hóa chất định lượng total $\beta$ hCG	test	Công dụng: Hóa chất định lượng total $\beta$ hCG. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
138	PP2600239377	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Total $\beta$ hCG	ml	Công dụng: Hóa chất chuẩn xét nghiệm Total $\beta$ hCG. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
139	PP2600239378	Dung dịch rửa máy hằng ngày tẩy kiềm	ml	Công dụng: Dung dịch rửa máy hằng ngày tẩy kiềm. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
140	PP2600239379	Dung dịch rửa máy hằng ngày tẩy acid	ml	Công dụng: Dung dịch rửa máy hằng ngày tẩy acid. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
141	PP2600239380	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	ml	Công dụng: Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
142	PP2600239381	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab)	ml	Công dụng: Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab)
143	PP2600239382	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab)	ml	Công dụng: Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u và TgAb, TPO Ab). Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
144	PP2600239383	Giếng phản ứng cho dòng máy DxI	cái	Công dụng: Giếng phản ứng cho dòng máy DxI. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
145	PP2600239384	Dung dịch rửa dòng máy miễn dịch DxI	lít	Công dụng: Dung dịch rửa dòng máy miễn dịch DxI. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800

146	PP2600239385	Hóa chất xét nghiệm định lượng iPTH	test	Công dụng: Hóa chất xét nghiệm định lượng iPTH. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
147	PP2600239386	Ống lấy mẫu 2.0 mL	cái	Công dụng: Ống lấy mẫu 2.0 mL. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
148	PP2600239387	Ống lấy mẫu 0.5 mL	cái	Công dụng: Ống lấy mẫu 0.5 mL. Sử dụng tương thích cho máy phân tích miễn dịch tự động UNICEL DXI800
149	PP2600239388	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Fasciola sp (Fasciola IgG)	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Fasciola sp (Fasciola IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
150	PP2600239389	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Toxocara (Toxocara IgG)	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Toxocara (Toxocara IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
151	PP2600239390	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Ascaris (Ascaris IgG)	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Ascaris (Ascaris IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
152	PP2600239391	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Strongyloides (Strongyloides IgG)	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Strongyloides (Strongyloides IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
153	PP2600239392	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Cysticercus (cysticercus cellulosae) [Cysticercosis IgG (T.solium)]	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Cysticercus (cysticercus cellulosae) [Cysticercosis IgG (T.solium)]. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
154	PP2600239393	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Gnathostoma (Gnathostoma IgG)	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Gnathostoma (Gnathostoma IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
155	PP2600239394	Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Paragonimus (Paragonimus IgG)	test	Công dụng: Hóa chất xác định kháng thể IgG kháng kháng nguyên Paragonimus (Paragonimus IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS

156	PP2600239395	Hóa chất định lượng kháng thể IgG kháng Helicobacter (Helicobacter pylori IgG)	test	Công dụng: Hóa chất định lượng kháng thể IgG kháng Helicobacter (Helicobacter pylori IgG). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
157	PP2600239396	Hóa chất định lượng kháng thể IgM kháng Helicobacter (Helicobacter pylori IgM)	test	Công dụng: Hóa chất định lượng kháng thể IgM kháng Helicobacter (Helicobacter pylori IgM). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
158	PP2600239397	Sinh phẩm chẩn đoán kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết tương và huyết thanh người	test	Công dụng: Sinh phẩm chẩn đoán kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết tương và huyết thanh người. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
159	PP2600239398	Sinh phẩm xét nghiệm để xác định kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh	test	Công dụng: Sinh phẩm xét nghiệm để xác định kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
160	PP2600239399	Sinh phẩm xét nghiệm miễn dịch chẩn đoán sàng lọc các kháng thể kháng với tất cả các phân nhóm HIV-1 và HIV-2 và kháng nguyên HIV-1 (p24) trong huyết thanh hoặc huyết tương người.	test	Công dụng: Sinh phẩm xét nghiệm miễn dịch chẩn đoán sàng lọc các kháng thể kháng với tất cả các phân nhóm HIV-1 và HIV-2 và kháng nguyên HIV-1 (p24) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS.
161	PP2600239400	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) có thể tích hút tối đa 1100 µl, chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	cái	Công dụng: Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) có thể tích hút tối đa 1100 µl, chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
162	PP2600239401	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) có thể tích hút tối đa 300 µl, chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA	cái	Công dụng: Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) có thể tích hút tối đa 300 µl, chuyên dùng trong xét nghiệm ELISA. Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS
163	PP2600239402	Hóa chất loại bỏ yếu tố viên khớp dạng thấp IgM (RF-Absorbent)	ml	Công dụng: Hóa chất loại bỏ yếu tố viên khớp dạng thấp IgM (RF-Absorbent). Sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm Elisa miễn dịch tự động TRITURUS

**Ghi chú:** Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu có cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hoá thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu có cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hoá thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

### **1.3. Các yêu cầu khác:**

- Hàng hóa dự thầu thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên thương mại; ký mã hiệu/Nhãn mác sản phẩm, quy cách (theo quy định của nhà sản xuất); Hãng sản xuất; Xuất xứ (tên quốc gia).

- Trường hợp nhà thầu kê khai hàng hóa được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước theo tỷ lệ kê khai, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ để chứng minh chi phí sản xuất trong nước: Chi phí nguyên vật liệu trong nước (hóa đơn, hợp đồng mua bán nguyên liệu...), chi phí nhân công trong nước (chứng từ về tiền công, tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn của công nhân trực tiếp sản xuất...), các chi phí khác (phí vận chuyển, phí đóng gói,...). Nếu E- HSDT của nhà thầu không cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ thì nhà thầu không được xem xét hưởng ưu đãi.

- Có bảng mô tả sản phẩm đáp ứng kỹ thuật theo các yêu cầu cụ thể của E-HSMT, đối với hàng hoá là hóa chất, vật tư y tế kèm tài liệu kỹ thuật chứng minh (bao gồm: Catalogue hoặc bảng dữ liệu kỹ thuật (datasheet) hoặc hướng dẫn sử dụng hoặc các tuyên bố hoặc xác nhận của nhà sản xuất, tiêu chuẩn áp dụng hoặc các tài liệu liên quan khác do nhà sản xuất phát hành). Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của nội dung dịch thuật khi phát hành.

- Nhà thầu phải trung thực khi kê khai tính đáp ứng, bất cứ nội dung cố tình kê khai sai lệch so với các tính năng, thông số, tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất để nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

### **1.4. Cam kết của nhà thầu cho toàn bộ gói thầu:**

Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết có ký, đóng dấu hợp lệ thể hiện đầy đủ các nội dung cam kết như sau:

- Cam kết Nguồn gốc hàng hóa hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết thu hồi hàng hóa đã giao và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bệnh nhân và Chủ đầu tư nếu sản phẩm không đảm bảo chất lượng gây nên thiệt hại hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền (mà không do lỗi của chủ đầu tư). Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả tiền hoặc thay thế bằng lô sản xuất khác đảm bảo chất lượng.

- Cam kết hàng hóa có nhãn hoặc có kèm theo nhãn phụ với đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

- Cam kết cung cấp hướng dẫn sử dụng của hàng hóa bằng tiếng Việt.

- Cam kết về thời hạn giao hàng: Cung cấp nhiều đợt trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, mỗi đợt trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Thu hồi và đổi trả nếu hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất và lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của Chủ đầu tư.

- Cam kết sẵn sàng cung cấp bản gốc các tài liệu để đối chiếu khi có yêu cầu của Chủ đầu tư: Hợp đồng tương tự, Biên bản nghiệm thu thanh lý, sao kê ngân hàng chứng minh giao dịch của hợp đồng tương tự và các tài liệu khác có liên quan;

- Cam kết cung cấp chứng từ hàng hóa khi giao hàng: Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tờ khai hải quan, Chứng nhận Xuất xứ (CO), Chứng nhận Chất lượng (CQ hoặc COA), Tờ khai hải quan, Invoice, PL, Vận đơn, ... Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Phiếu xuất kho và Chứng nhận Chất lượng (CQ hoặc COA) của nhà sản xuất, ... theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

## **Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ**

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Chủ đầu tư có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- Địa điểm: Tại đơn vị sử dụng.
- Thời gian: Do các bên thỏa thuận;
- Nội dung kiểm tra: kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện: do nhà thầu chi trả.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.